

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông **Đỗ Ngọc Bình**

2. Bà **Lê Thị Bé Bẩy.**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Trọng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Đoàn Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Phạm Minh L**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: số 158B ấp Long Hòa B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Thu M**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: số 328 ấp Long Hòa A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Phạm Minh L** trình bày: anh và chị **Nguyễn Thị Thu M** cưới nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/3/2018. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp. Nhận thấy hiện tại chị đã không còn tình cảm với chị M nên anh yêu cầu được ly hôn. Về con chung, anh và chị M có 02 con chung tên **Phạm Ngọc Mai T** sinh ngày 30/8/2015 và **Phạm Ngọc Mai A** sinh ngày 05/01/2019. Ly hôn anh L yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên

anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không đến Tòa án và không nộp bất kỳ văn bản ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh L.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị M, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh L và chị M Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L. Giao Phạm Ngọc Mai và Phạm Ngọc Mai A cho anh L nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Phạm Minh L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu M có địa chỉ tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị M cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/3/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2021 cho đến nay.

Qua trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh L khẳng định không thể hàn gắn với anh chị M vì không còn tình cảm, anh đã cho chị M nhiều thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm vẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

[3.2]. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của anh L và chị M là không thể hàn

gắn, vì không có sự vun đắp, xây dựng gia đình từ hai phía, thời gian sống ly thân dài, nhưng cả hai vẫn không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hợp lệ xem như từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh L, cho anh được ly hôn với chị M.

[3.3]. Về nuôi con chung: Đối với con chung tên Phạm Ngọc Mai T sinh ngày 30/8/2015 và Phạm Ngọc Mai A sinh ngày 05/01/2019 hiện đang sống cùng với anh L. Xét thấy, hiện tại anh L và gia đình anh đang chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và cháu Mai T có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha. Mặt khác, chị M cũng không có văn bản ý kiến đối với việc nuôi con khi ly hôn. Do đó, để ổn định tâm lý, sinh hoạt, nơi ở cho các cháu, cần tiếp tục giao cháu Mai T và Mai A cho anh L chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị M được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở.

[3.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: anh L không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX ghi nhận.

[3.5]. Về tài sản chung và nợ chung: anh L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4]. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh L.

- Về hôn nhân: anh Phạm Minh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu M.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Mai T sinh ngày 30/8/2015 và Phạm Ngọc Mai A sinh ngày 05/01/2019 cho anh L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thu M không cấp dưỡng nuôi con do anh L chưa có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng

xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

- Anh Phạm Minh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005588 ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên anh đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND xã Đạo Thạnh, TP M, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh